

Bản án số: 20/2024/HS-PT.
Ngày: 12/3/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;
Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 11/2024/TLPT-HS ngày 15/01/2024 đối với bị cáo **Lê Quốc T** do có kháng cáo của bị cáo **Lê Quốc T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Quốc T**; Sinh ngày: 20/6/1977; N sinh: **Huyện L, tỉnh Hậu Giang**; Nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Văn Đ** và bà **Lê Thị T1**; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2023 cho đến nay. (vắng mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị cáo **Nguyễn Văn P**; Bị hại **Nguyễn Văn Đ1**; Người làm chứng **Phan Vũ H, Trần Thị Đ2**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P và **Lê Quốc T** có mối quan hệ quen biết với nhau. Vào tối ngày 11/4/2021, bị cáo **T** đi đến **Khóm F, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** gặp bị cáo **P** và cả hai đi đến **quán K** để chuộc xe máy (không rõ biển số). Sau

khi chuộc xe xong, T đưa P tìm H1 nhưng không gặp. Sau đó, trên đường đi về thị xã N, P rủ T đi tìm tài sản lấy trộm, T không trả lời, sau đó P điều khiển xe chở T đi về hướng huyện T để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 12/4/2021, khi P điều khiển xe đến nhà ông Nguyễn Văn Đ1 thuộc Khóm C, Phường A, thị xã N, P quan sát thấy trước cửa nhà ông Đ1 có cây mai vàng ở trước nhà trong khi nhà đã đóng cửa, nên khi qua khỏi nhà ông Đ1 thì P quay xe lại và dừng xe ngoài lộ trước nhà ông Đ1, T ở ngoài xe còn P đi vào trước cửa nhà ông Đ1 đến chỗ cây mai vàng, thấy có dây khoá lại nên P đi trở ra xe lấy cây kèm cắt dây xích ra khỏi cây mai vàng, dùng hai tay kéo cây mai ngã xuống và P nhổ cây mai vàng có chiều cao thân 1,5m, hoành góc là 40cm, tán cây 1,5m, được trồng trong chậu. Lúc này, T đứng ở ngoài xe và nhìn thấy P lấy trộm cây mai vàng của ông Đ1. Sau khi nhổ cây mai vàng, P khiêng cây mai vàng ra xe, P điều khiển xe chở T ngồi sau ôm cây mai vàng đã lấy trộm của ông Đ1 đi đến cầu X thì T đề nghị trả lại cây mai vì nặng quá thì P không đồng ý và T không nói gì mà ôm cây mai vàng ngồi sau. P điều khiển xe đi đến nhà bà Trần Thị Đ2 ở ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, để bán cây mai cho T2 (là con rể bà Đ2). Khi đến nhà bà Đ2, P kêu cửa bà Đ2 đi ra P đem cây mai vào nhà và P nói với bà Đ2 đem cây mai qua bán cho T2, do không gặp T2 nên P điện thoại cho T2 nói giá bán là 2.000.000 đồng nhưng T2 không đồng ý mua. Sau đó, P và T để cây mai ở nhà bà Đ2 và cả hai lên xe về khu vực thị xã N, P tiếp tục liên lạc với T2 qua điện thoại để thoả thuận giá bán, T2 đồng ý mua cây mai với giá là 1.000.000 đồng, Thương yêu cầu Phong cho số tài khoản để T2 chuyển tiền, P gửi số tài khoản cho T2 nhưng T2 không chuyển tiền. Sau đó, do biết được việc lấy trộm cây mai nhà ông Đ1 bị cơ quan Công an phát hiện nên Nguyễn Văn P bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi P và T bỏ đi, bà Đ2 lấy cây mai vàng bỏ ra ngoài sân, khi Cơ quan điều tra đến nhà bà Đ2 để thu hồi cây mai vàng mà P và T đã lấy trộm của ông Đ1 nhưng không tìm thấy nên không thu hồi được.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 07/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng kết luận: Giá trị 01 (một) cây mai vàng có chiều cao tính từ phần đế đến phần ngọn cây là 150 cm, phần hoành góc là 40 cm, phần hoành ở giữa thân cây là 42 cm, phần hoành ngọn cây là 20 cm, phần rễ cây có kích thước khoảng 100 cm, tán cây 1,5 m, có giá trị là 35.000.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Các điểm i, s khoản 1 Điều, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Quốc T.

- Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn P** và **Lê Quốc T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 01 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 09/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Lê Quốc T** 09 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 21/12/2023, bị cáo **Lê Quốc T** kháng cáo xin giảm hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê Quốc T** vắng mặt không có lý do.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Lê Quốc T** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo **T** các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đối với tình tiết bị cáo có hai lần cung cấp thông tin cho **Công an xã T** triệt phá, xử lý đối tượng vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội trước khi xét xử sơ thẩm nhưng chưa được khen thưởng, điều này thể hiện trách nhiệm của công dân có tinh thần đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội và tội phạm nhưng chưa phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, vai trò giúp sức tích cực của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đáng lẽ bị cáo được áp dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê Quốc T** có kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do. Xét sự vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo **Lê Quốc T** lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 21/12/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **T** theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo **Nguyễn Văn P** và **Lê Quốc T** như sau: Vào tối ngày 11/4/2021, bị cáo **T** đi đến **Khóm F, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** gặp bị cáo **P** và cả hai đi đến **quán K** để chuộc xe máy (không rõ biển số). Sau khi chuộc xe xong, **T** đưa **P** tìm **H1** nhưng không gặp. Sau đó, trên đường đi về **thị xã N**, **P** rủ **T** đi tìm tài sản lấy trộm, **T** không trả lời, sau đó **P** điều khiển xe chở **T** đi về hướng **huyện T** để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 12/4/2021, khi **P** điều khiển xe đến nhà ông **Nguyễn Văn Đ1** thuộc **Khóm C, Phường A, thị xã N**, **P** quan sát thấy trước cửa nhà ông **Đ1** có cây mai vàng ở trước nhà trong khi nhà đã đóng cửa, **P** dùng kèm cắt dây xích ra khỏi cây mai vàng, rồi nhổ cây mai vàng có chiều cao thân 1,5m, hoành góc là 40cm, tán cây 1,5m khỏi chậu, rồi khiêng cây mai vàng ra xe, **P** điều khiển xe chở **T** ngồi sau ôm cây mai vàng đã lấy trộm đi bán cho **T2** với giá 1.000.000 đồng. Sau đó, do biết được việc lấy trộm bị cơ quan Công an phát hiện nên **Nguyễn Văn P** bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi **P** và **T** bỏ đi, bà **Đ2** lấy cây mai vàng bỏ ra ngoài sân, khi Cơ quan điều tra đến nhà bà **Đ2** để thu hồi cây mai vàng mà **P** và **T** đã lấy trộm của ông **Đ1** nhưng không tìm thấy nên không thu hồi được. Theo kết luận định giá tài sản, cây mai vàng mà bị cáo **P** và bị cáo **T** trộm cắp của bị hại có giá trị là 35.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo **Nguyễn Văn P** và **Lê Quốc T** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Lê Quốc T**, về việc xin giảm hình phạt: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xác định bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo **T** là đồng phạm tích cực trong vụ án, sau khi bị cáo **P** khởi xướng thì bị cáo đã cùng đi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bị hại. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo **T** mức án 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án, đặc

điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Đối với việc sau khi phạm tội, bị cáo có hai lần cung cấp thông tin cho Công an xã T triệt phá, xử lý đối tượng vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội nhưng chưa đến mức được khen thưởng, điều này thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, thực hiện tốt trách nhiệm của công dân đối với xã hội, tuy nhiên tình tiết này đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét, áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T, về việc xin giảm hình phạt.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Quốc T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T, về việc xin giảm hình phạt.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Quốc T của Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Quốc T.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo **Lê Quốc T** chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT-Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ